

Ngôi nhà cộng đồng ở khu vực trường sơn-Tây Nguyên- ĐẤU AN TÂM LINH VÀ GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

(Dẫn liệu từ kiến trúc nhà Gươl của người Cotu)

NGUYỄN PHƯỚC BẢO ĐÀN*

Ngôi nhà cộng đồng của mỗi một tộc người cư trú trên khu vực Trường Sơn-Tây nguyên, với tất cả những kiểu dạng vốn có, lẽ tất nhiên có những nét đẹp riêng, những đặc trưng riêng về hình dáng, cấu trúc..., chúng góp phần làm nên nét biểu trưng cho mỗi tộc người. Nói đến tộc người Ba Na, Xơ Đăng, Ja rai... – cư dân chủ thể của núi rừng Trường Sơn Nam, ngoài dàn công chiêng đa dạng từng in dấu bản sắc tộc người, chúng ta không thể không liên tưởng đến mái nhà Rông đã và đang tồn tại như một lưỡi búa khổng lồ chìa thẳng lên bầu trời như thách đố cùng thiên nhiên (1). Tộc người Cotu với ngôi nhà Gươl-niêm kiêu hãnh, cũng là hình ảnh của sự cố kết cộng đồng tộc người, hay như mái nhà Roon/Roon, đã từng một thời làm nên vóc dáng đặc thù của làng, vel và hiện nay vẫn chưa phai mờ trong tâm thức của người Tà Ôi...

Bất kỳ kiểu dạng kiến trúc nào, trong ý đồ tạo tác của con người, đều mang những công năng cụ thể-nói một cách đơn giản hơn, “kiến trúc nào thì mang chức năng ấy”.

Các tộc người cư trú trên khu vực Trường Sơn-Tây Nguyên, tuy thiên nhiên trong quá trình kiến tạo địa lý: môi trường, thổ nhưỡng, cảnh quan... có khác nhau, nhưng nhìn chung, họ đều gặp nhau ở một giai đoạn phát triển-một điểm chung: kinh tế nông nghiệp hoả canh. Loại hình kinh tế này, với tất cả những thuộc tính của nó, tất nhiên sẽ là nhân tố chi phối không nhỏ đến đời sống tộc người và loại hình kiến trúc nói riêng. Yếu tố tín ngưỡng, cấu trúc bản làng, cung cách sinh hoạt ... của tất cả những tộc người sinh tồn trên cùng loại hình kinh tế nông nghiệp hoả canh, có thể nói, những nét chung giữa họ từ đó cũng được định hình.

Chúng tôi muốn đề cập đến ngôi nhà Gươl của người Cotu như một dẫn liệu cụ thể khi đề

cập đến ngôi nhà cộng đồng. Bởi suy cho cùng, kiến trúc-dù là loại hình nào đi nữa, vẫn là sự tổng kết kinh nghiệm của nhiều thế hệ tộc người trong thế ứng xử với môi trường cư trú cụ thể.

1- Ngôi nhà cộng đồng-những tác nhân hình thành.

1.1. Môi trường sống:

Nếu lấy Ngã Lũnh-bức trường thành tự nhiên Hải Vân, làm ranh giới tạm thời, chúng ta sẽ thấy hai khu vực Nam-Bắc Trường Sơn mang những nét khác biệt về mặt địa lý tự nhiên.

Tại khu vực Bắc Trường Sơn, nhiều mạch núi song song, so le, đâm ngang theo hướng Tây Bắc-Đông Nam. Trong khung cảnh chật hẹp của các tỉnh bắc miền Trung với chiều ngang Đông-Tây cực ngắn, đồi núi trùng điệp, diễn tiến mạch dồn dập trước khi trải dài thành những cao nguyên đất đỏ bazan phì nhiêu, rộng lớn ở phía Nam: khu vực Tây Nguyên (2). Tuy nhiên, điểm kết thúc của những mặt bằng rộng lớn là thác, vực, sườn dốc núi đá Granit hiểm trở, được hình thành từ những đứt gãy trong quá trình kiến tạo địa lý. Địa hình cư trú hiểm trở như thế buộc-tộc người Cotu phải xây dựng cuộc sống của mình trong những thung lũng nhỏ hẹp, giữa lưng chừng núi cao, hay trong rừng sâu. Sự quần tụ thành bản làng của tộc người này, vì thế, cũng khiêm tốn hơn so với khu vực Tây Nguyên được thiên nhiên ưu đãi.

Làng, bản truyền thống của người Cotu thường là nơi quần tụ của-khoảng trên-dưới 100 nhân khẩu. Khoảng cách giữa hai làng khá xa, mà đôi khi những dòng chảy lớn hay dãy núi cao được dùng làm ranh giới tự nhiên để xác định. Trên khắp địa vực cư trú của tộc người này, chúng ta khó lòng bắt gặp trường hợp dị biệt-những ngôi làng quần tụ cận kề với số lượng cá thể đông đúc, (trong khi đó, ở khu vực

*Nghiên cứu viên, Phân viện VH TT tại TP. Huế

Tây Nguyên, ngôi làng của các tộc người thiểu số khác thường cư trú mật tập trên những cao nguyên rộng lớn, với dân số khoảng 300-400 người, cá biệt lên đến hơn 1.000 người).

Làng của người Cốt thường có cấu trúc hình tròn, hình bầu dục hay hình móng ngựa, trong đó, các nóc nhà quần tụ quanh một khoảng sân rộng, nơi dựng kiến trúc trung tâm của làng - ngôi nhà cộng đồng, cùng với cây cột tế (sin-nur). Trong truyền thống tộc người, dù khu vực lựa chọn làm nơi cư trú có địa hình nhỏ hẹp, hiểm trở hay rộng lớn, cấu trúc ngôi làng cũng không thay đổi, hình ảnh này - một thời đã là biểu trưng cho sức mạnh cố kết tộc người, khiến nhiều nhà nghiên cứu liên tưởng đến hình ảnh của tổ chim (chim con: các ngôi nhà cá thể, chim mẹ: mái nhà Gươl), hay của bầy trâu sum vầy quanh sinnur, hình ảnh của mặt trời toả những tia sáng giữa núi rừng trùng điệp (3).

1.2. Đặc điểm kinh tế:

Khu vực Trường Sơn-Tây nguyên, loại hình nông nghiệp hoả canh, từ bao đời nay, vẫn chiếm địa vị thống trị trong đời sống tộc người. Mãi cho đến gần đây, khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng cuộc sống định canh-định cư, loại hình ruộng nước mới dần dần có vai trò trong đời sống của đồng bào.

Nền nông nghiệp hoả canh truyền thống với đặc điểm du canh-du cư và quy trình phát-cốt-đốt-tĩa sơ khai, sản lượng hoàn toàn bị chi phối bởi điều kiện tự nhiên: (đất đai, khí hậu, thời

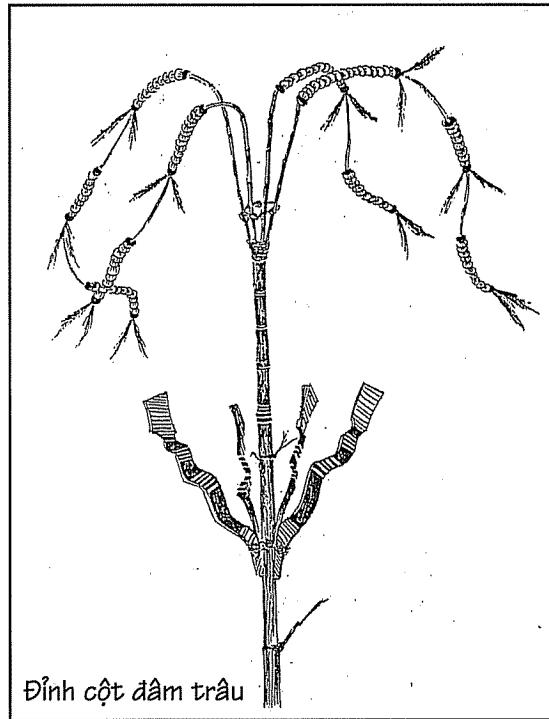
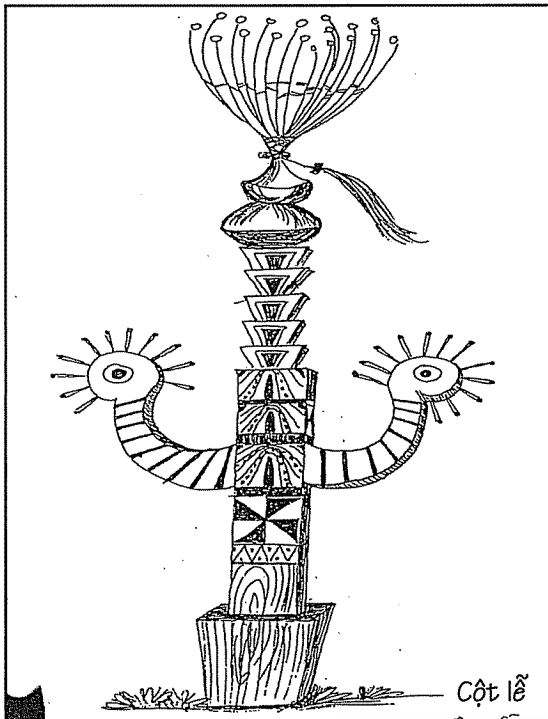
tiết...), nên nguồn lương thực hỗ trợ đôi lúc vẫn dựa vào sản vật của núi rừng. Những tộc người sinh tồn theo loại hình kinh tế tự cung tự cấp này, thiết chế xã hội cơ bản của họ là vel, vil, p'lây / palây... (làng, bản, theo cách gọi của người Việt) gần như mang tính khép kín và tự quản.

Trên thực tế sự du canh - du cư của cộng đồng trong hoạt động kinh tế đã diễn ra theo kiểu luân cư trong những khu vực được giới hạn một cách rõ ràng - bởi luật tục của các làng hay sự chi phối của địa hình hiểm trở. Trên đại thể, điều này thể hiện sự khép kín và tính chất cô lập của bản làng.

Kho tri thức bản địa (4) (local knowledge) trong mối quan hệ ứng xử với môi trường tự nhiên của các bộ tộc người nơi đây, luôn là nhân tố nắm giữ sinh mệnh cộng đồng, hay nói cách khác, là đóng vai trò quyết định đến sự sống còn của cộng đồng. Chính vì vậy, tầng lớp người già, người có kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực luôn luôn có tiếng nói quyết định và được cộng đồng tín nhiệm, tôn trọng.

1.3. Nhân tố xã hội:

Từ điểm khởi đầu, trong trường hợp ngôi làng chỉ có một mái nhà dài với vai trò to lớn của người trưởng họ trong dòng huyết hệ, không gian sinh hoạt chung sẽ là một gian của ngôi nhà dài dưới sự quản lý của trưởng họ. Vị trí của gian sinh hoạt cộng đồng trên thực tế sẽ tùy thuộc vào sự quy định của từng tộc người cụ



thể: có thể ở phía đầu hồi hay trung tâm của ngôi nhà dài, nhưng điểm chung là bao giờ cũng ở quanh bếp lửa.

Cùng với sự phát triển của xã hội, quan hệ huyết tộc trong phạm vi công xã vỡ dần ra để thay vào đó là quan hệ láng giềng với sự ra đời của các vel đa dòng họ. Bên cạnh đó, một khi mọi mặt đời sống cộng đồng được định đoạt bởi một lớp người lớn tuổi, giàu kinh nghiệm, trong cộng đồng tất yếu nảy sinh nhu cầu cần có một không gian chung – mang tính cộng đồng, làm nơi sinh hoạt, hội họp, bàn bạc, truyền thụ và trao đổi kinh nghiệm... Tùy thuộc vào từng tộc người, họ có những phương thức giải quyết không gian cộng đồng riêng (5), mà sơ khởi, có thể xem điều đó tùy thuộc vào điều kiện của môi trường cư trú, của sinh hoạt tín ngưỡng tộc người...

1.4. Nhân tố tín ngưỡng:

Cùng với loại hình kinh tế nông nghiệp hoá canh, tín ngưỡng đa thần cũng nảy sinh từ nhận thức sơ khai đối với thế giới tự nhiên của các tộc người. Mái nhà chung – không gian sinh hoạt cộng đồng, được khoác thêm lớp áo tín ngưỡng, thành nơi tiến hành các nghi lễ cúng tế: cầu thần, cầu mùa, cúng cơm mới...; thành nơi hội già làng tiến hành bàn bạc kế hoạch đối phó / ứng xử với các thế lực siêu hình chi phối đến sự tồn vong, trở thành không gian tâm linh bên cạnh những chức năng vốn có.

Nhìn chung, ngôi nhà cộng đồng của mỗi tộc người được hình thành từ những nhu cầu mang tính thiết thân của những đơn vị cư trú: buôn, vel, vil, p'lêi... tồn tại trên nền nông nghiệp hoá canh. Về sau, cùng với quá trình tồn tại, không gian chung được khoác thêm cho những chức năng mới: là kiến trúc tín ngưỡng – nơi biểu hiện một trong những khía cạnh văn hoá tinh thần, là môi trường giáo dục – truyền thụ kinh nghiệm, là toà án sử dụng luật tục bảo vệ trật tự xã hội, là nơi biểu hiện sức mạnh cộng đồng với những chiến lợi phẩm được bày biện bên trong... Và với tộc người Cốt u – ngôi nhà chung còn là điểm tập kết sức mạnh cộng đồng với đội ngũ trai tráng chưa vợ. Nói chung, nó là không gian đa chức năng và trong cách hiểu nào đó, ngôi nhà là linh hồn của cộng đồng tộc người cư trú ở khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên.

2. dấu ấn tâm linh trong kiến trúc cộng đồng

□ dẫn liệu từ tộc người Cốt u.

Trên đại thể, mái nhà chung của các tộc người thiểu số khu vực Trường Sơn – Tây

Nguyên dù mang hình dạng khác nhau, nhưng nét chung vẫn là kiểu nhà sàn có cấu trúc vững chãi trên hệ thống cột bê thế, biểu trưng cho hào khí bản làng, là tiêu điểm cố kết mọi thành viên trong làng chống lại thiên tai, địch họa: ngôi nhà sàn với bộ mái lớn dựng đứng vút cao – nhà Rông của người Ba Na, Xơ Đăng, Ja Rai..., ngôi nhà sàn với bộ mái khum tròn, vách nghiêng, khâu cút vươn cao với hình tượng chim t'ring hoành tráng – ngôi nhà Gươl của tộc người Cốt u.

Gươl – mái nhà chung của tộc người Cốt u có thể tạm gọi là mô hình phóng lớn của ngôi nhà sàn cư trú bình thường với kiểu chái tròn và sàn nhà được trải bằng ván gỗ hoặc nhiều lớp vỏ cây dày, liếp tre, nứa đập dập. Gươl được dựng lên với rất nhiều điều kiêng kỵ quy định trong tập tục (6). Đặc điểm lớn nhất của nhà Gươl là dạng nhà sàn lớn tựa trên một cột Cái (trụ chính) – gần như là cột biểu tượng của sức mạnh cộng đồng. Nhà Gươl tuy được xây dựng bằng vật liệu thô sơ nhưng vẫn mang vẻ bề thế, nét đẹp tự nhiên, hàm chứa sức mạnh của mối liên kết giữa các thành viên trong cộng đồng (7).

Chính giữa ngôi nhà là cây cột cái (r'măng) cao lớn, gánh đỡ đòn dông (Phung) và cũng là tâm điểm nối kết hệ thống cột con (t'nal) bởi các xà ngang, xà hình bầu dục qua hai tấm gravương uốn cong ở hai đầu hồi, mái lợp bằng lá gồi hoặc lá mây được đan rất công phu. Mặt trong của mái nhà thường được gài rất nhiều vũ khí, các loại mặt nạ trong tín ngưỡng thông linh, ngày trước còn có cả những chiến lợi phẩm thu được trong những cuộc xung đột "trả đầu"... nhằm phô trương sức mạnh của làng – mọi thành viên xem đó như chiến công của mình cũng như của tập thể làng (8). Phần trên của r'măng thường xuyên treo một đầu trâu mới làm lễ hiến sinh trong thời gian gần nhất. Phía sau cột cái, khoảng không gian dưới mái sau là một giàn nhỏ kéo dài suốt chiều rộng ngôi nhà, làm nơi cất giữ những đồ tế lễ: chiêng, ché, thanh la... Bên trong nhà Gươl được phủ kín bằng đầu trâu, thú vật linh thiêng cũng như đầu nai, dê rừng, chuột xạ, sóc, đuôi chồn, lông công, lông trĩ, lông gà lôi, đầu chim t'ring. Tất cả các chiến lợi phẩm đều được treo một cách lộn xộn và phủ kín khói đang nghi ngút bốc lên liên tục ở các bếp. Theo tín ngưỡng Ka - Tu, thú vật cũng có một linh hồn trở về quanh quẩn ở nhà Gươl, nơi mà người ta treo sọ của chúng, như vậy,

chúng sẽ lôi kéo về quanh làng bầy đàn của chúng. Về tập tục kỳ bí này, chắc không phải là tào bạo khi giả thiết là xưa kia các sọ treo trong nhà Gươl là sọ người. Những kẻ săn đầu ở Philippine, ở Bornéo, ở Tân Guinée cũng làm như vậy, và sự giống nhau giữa các bộ tộc này với người Ka - Tu thật lạ lùng (9).

Nhà Gươl thường có nhiều bếp lửa, nhưng phổ biến nhất vẫn là hai bếp nằm đối xứng hai bên cột Cái: một cho dân làng và một cho khách; những bếp lửa này có ý nghĩa rất lớn trong đời sống sinh hoạt của đồng bào; nó không chỉ đơn thuần để sưởi ấm, nấu nướng thức ăn trong những ngày tế lễ, tạo ra ánh sáng trong những buổi sinh hoạt của làng, mà còn mang nhiều ý nghĩa tín ngưỡng thiêng liêng khác nữa (10). Đặc biệt, ở hai đầu nóc ngôi nhà có trang trí nhiều hình động thực vật được chạm khắc rất công phu: cặp chim đang giao phối, con hổ, con khỉ trên cành cây, người đàn bà múa (yayá), gà và cá, gà đang ăn con nhện (11)... Nhưng phổ biến hơn cả là hình tượng con chim mình to, cánh rộng, mỏ dài, thường được gọi là t'ring (12) - loài chim mang nhiều dấu ấn trong tín ngưỡng tộc người.

Không gian nội thất được dựng lên đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa chức năng sử dụng của nhóm người tạo tác. Cây cột r'măng - tâm điểm ngôi nhà và cũng là tâm điểm của những cuộc tế lễ, được dựng lên đầu tiên sau lễ cúng xin Yàng dựng nhà, nó là nơi tập trung đầy đủ nhất những mô típ trang trí biểu hiện thẩm mỹ - nhân sinh quan tộc người. Có ý kiến cho rằng r'măng tượng trưng cho uy thế của chủ làng / nhà làng cũng như sự hưng thịnh của làng (13) và về cơ bản tương ứng với hình dáng cây cột tế (sinur), bởi cả hai đều biểu tượng cho cái trục của làng, và nhà Cotu như một mô hình vũ trụ thu nhỏ (14) và cũng là hình ảnh cách điệu của điệu múa yayá - điệu múa nối kết đất trời với cánh tay vươn cao mang nhiều ước vọng.

Là sản phẩm của cộng đồng sinh tồn trên nền nông nghiệp hoả canh, các lễ tiết liên quan đến chu kỳ sản xuất (lễ cúng thần lửa, thần núi, thần nước, cúng cơm mới...); các nghi lễ cầu mong sức khoẻ cộng đồng (cầu an, cúng thần làng, lễ rửa xui); kể cả các nghi lễ liên quan đến chu kỳ đời người (lễ đặt tên, thành đình...) đều được tiến hành bên trong nhà Gươl, quanh cây cột cái. Bên cạnh đó, lễ đâm trâu của các tộc người thiểu số (15), tuy được tổ chức trên khoảng sân rộng và bằng phẳng trước nhà

Gươl - nơi có cây cột hiến tế (sinur) được dựng lên cao ngất, nhưng khi kết thúc, đầu trâu được mang vào treo trên đầu r'măng làm lễ vật cúng thần linh. Bởi Gươl ngoài việc là nơi hội họp của hội đồng, nơi ngủ của thanh niên và những người già (những người đàn bà không được vào đây), đây cũng là nơi linh thiêng mà các linh hồn tổ tiên ở nếu khi chết được an lành. Sự yên tĩnh của nhà Gươl không thể bị khuấy động bởi bất cứ cuộc cãi vã nào cũng như một trận chiến nào, và người lạ, ngay cả kẻ thù, cũng có thể nghỉ ngơi yên tĩnh dưới mái nhà này (16).

Trong những mái nhà chung truyền thống, người phụ nữ không được bước chân đến cầu thang, sự đóng góp của họ trong những dịp tế lễ chỉ là công việc chuẩn bị lễ vật và điệu múa yayá tuyệt đẹp trong váy áo Cotu xung quanh cây cột sinur. Điều này có thể bắt đầu từ quan niệm người phụ nữ thường không tinh sạch và chính sự ô uế sẽ làm Yàng nổi giận, giáng xuống những điều không may cho cộng đồng. Đây đó ở các tộc người thiểu số cư trú trên khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên, chúng ta vẫn bắt gặp hiện tượng này như người Bru - Macoong, Tà Ôi, các nhóm tộc người Chứt...

Gươl trong tâm thức tộc người vốn được xem là nơi cư ngụ của các thần - là ngôi nhà thiêng của thần linh.

Từ việc cây cột cái đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc, là tâm điểm của những cuộc tế lễ diễn ra bên trong mái nhà Gươl truyền thống, theo sự suy diễn thường tình, tất yếu nó phải là tối quan trọng và được tạo dựng thành trục tâm linh của nhà - của làng bản, của cộng đồng với sự điều phối tuyệt đối của yếu tố tín ngưỡng.

Chúng tôi cho rằng, hình ảnh cây cột cái gợi sự liên tưởng đến trục vũ trụ của người Cotu cũng như những tộc người khác sinh tồn trên nền nông nghiệp hoả canh với sự phân chia ba tầng - ba thế giới rõ rệt. Trên cây cột cái, phần từ đất đến sàn nhà có thể xem như khoảng không gian của thế giới âm, thế giới của người chết, của ma lành...- được thể hiện bằng sự "xò xắm" không bào chuốt thân cột, và trong quá trình tồn tại, nó gợi cho ta cảm giác âm u bởi lượng ánh sáng khiêm tốn và đất bụi phủ mờ. Khoảng thân cột, từ sàn cho đến gương-nơi cây cột được khắc chìm thành những vòng tròn đồng tâm có tô vẽ hoa văn và hai bên là gương chĩa ra như đôi cánh tay khải cầu vươn lên trời xanh của người đàn bà múa điệu yayá, có thể xem là thế giới con người tồn tại. Phần thân cột

thường được chạm khắc hình thủy quái caxo, hình người m'ngai, bên dưới các vòng tròn đồng tâm thường có vòng mây bện hoa văn... Đây cũng là vị trí để treo đầu-trâu sau những cuộc hiến tế. Mọi nghi thức tế lễ đều diễn ra quanh r'măng và phần con người đối diện trực tiếp chính là thân cột, hoa văn và những hình chạm khắc trên nó biểu thị sự giằng co, tranh đấu giữa con người với các thế lực siêu nhiên, sự chinh phục của con người và thế giới tự nhiên (thể hiện qua hình hài quái vật mà Le Pichon từng gọi là tượng quỷ thuật). Phần đầu cột, phía trên các vòng tròn đồng tâm, thường được đẽo gọt thành hình vuông làm nền cho nhiều hình vẽ trang trí. Hoa văn trên đầu cột là toàn bộ hình ảnh của cây tàvạt / tavak, bên trên là lá atút, hoa alan... thể hiện ước vọng của con người về cuộc sống ấm no, hạnh phúc... Bởi cây tàvạt, từ bao đời nay, vẫn là nguồn thức ăn khi thiếu đói, nguồn nước uống trong đời sống sản xuất và cũng là loài cây mang đến hương vị men nồng trong những buổi tế lễ Cotu, trong cách hiểu nào đó, phần đầu cột tương ứng với thế giới thần linh, thế giới của các Yàng, nơi mọi ước vọng của cộng đồng đều hướng đến.

Chính vì vậy, trong quá trình dựng Gươl trước đây, hoa văn và hình vẽ trên cây cột cái phải do chính tay người già có uy tín nhất trong làng thể hiện. Người ấy được xem như đại diện cộng đồng tộc người vẽ nên thế giới tâm linh, biểu hiện ước vọng của tộc người qua cây cột r'măng với sự cẩn nhắc đến từng tiểu tiết. Lễ tất nhiên, một khi cuộc sống du canh-du cư vẫn còn chi phối, việc thể hiện hoa văn biểu thị đời sống tín ngưỡng sau mỗi lần di dời bản làng sẽ khác đi. Một vài biểu tượng sẽ được thay thế phù hợp với hệ thống thần linh trên vùng đất mới, mái nhà chung sẽ bề thế hoặc khiêm tốn hơn tùy thuộc vào sức mạnh tộc người..., nhưng những nếp tín ngưỡng vốn có trên r'măng và không gian chức năng ngôi nhà vẫn không dễ phai mờ.

Bên cạnh đó, trong cấu trúc ngôi nhà chung truyền thống, tượng người chào khách (mught), những tượng quái vật/ma thuật/quỷ thuật như dämmahiêng, ajêch... sẽ được đặt trên cửa ra vào, ở bốn góc nhà, như biểu thị sự hào sảng, mến khách của cộng đồng, đồng thời cũng là canh gác, ngăn trừ cái xấu, cái ác, bảo vệ sự bình yên cho chốn thần linh. Hay những nấc thang trước nhà cũng được đẽo thành hình đầu trâu, con lợn béo... thể hiện ước vọng no

đủ của tộc người.

Trong cách hiểu nào đó, r'măng với đầy đủ những mô típ trang trí cổ truyền, với vị trí chính xác trên từng cung đoạn và nằm trong ý thức đầy đủ của người tạo tác, có thể xem là trực tâm linh phản ánh đời sống tín ngưỡng tộc người.

3. Những giá trị nghệ thuật trước thách thức của cuộc sống hiện đại

Cùng với những dấu ấn tâm linh trong mái nhà chung truyền thống, hệ thống các mô típ trang trí đa dạng được thể hiện trên gam màu truyền thống: đỏ, trắng, đen, cũng là nơi phản ánh nhân sinh-thẩm mỹ quan tộc người.

Hệ màu trong nghệ thuật Cotu được tạo nên với những nguyên liệu đơn giản, khai thác từ núi rừng nơi cư trú: màu đen lấy từ bột than củi, màu đỏ từ bã trâu nhai dập (và cũng không loại trừ trước đó, màu đỏ lấy từ máu: máu người và động vật), màu trắng từ vỏ ốc suối đốt thành tro. Chúng tôi nhấn mạnh gam màu truyền thống để thấy được chất dân gian, mang nhiều dấu ấn nguyên sơ trong nghệ thuật của tộc người tồn tại trên núi rừng Trường Sơn.

Hình vẽ có mặt đều khắp trên các bộ phận trong mái nhà Gươl, thoát nhìn, trông chúng có vẻ lộn xộn khó phân biệt, nhưng trên thực tế, mỗi mô típ đều phải được thực hiện trên mỗi cấu kiện với những quy định khắt khe.

Đầu tiên là hệ thống xà ngang-dọc (d'ngang). Với bề mặt tương đối rộng, đây được xem như "mảnh đất màu mỡ" nhất cho việc thể hiện những tác phẩm nghệ thuật. Hình ảnh truyền thống trên xà dọc (hình vẽ hoặc điêu khắc) vẫn là đôi kỳ đà (tari) hướng vào nhau với đầy đủ chân, đuôi, vảy bụ bẫm và giữa chúng cũng có sự phân chia mang tính đăng đối âm-dương. Thành bên của d'ngang là dải hoa văn hình tam giác nối liền nhau, được gọi là grang (hàng rào). Đôi kỳ đà trên xà dọc đôi lúc cũng được thay thế bằng hình người m'ngai hay thủy quái caxo.

Khác với xà dọc, bề mặt đôi xà ngang có kích thước tương tự, nhưng lại là nơi thể hiện nhiều mô típ chi tiết hơn và giữa chúng cũng có sự phân biệt rõ rệt. Xà dọc phía đông ngôi nhà là nơi thể hiện hình ảnh của mặt trời, của đôi kỳ đà đối xứng với kích thước nhỏ, của cặp trần/rắn quấn nhau mang tính âm-dương. Xà phía tây là nơi thể hiện hình ảnh của mặt trăng (cuxe), của cặp rùa (crop) đối xứng và đôi cá bơi song song (blund).

Trên đôi xà dọc, ngoài hệ màu phù hợp, hình ảnh của mặt trời luôn được chạm nổi biểu thị sự sống, là nguồn sống của vạn vật, con người, khác với mặt trăng, hình ảnh của bóng đêm, của cõi âm, của sự chết chóc, luôn được khắc chìm với những lưu ảnh mờ nhạt xung quanh.

Cùng với hệ thống d'ngang, trên hai dải gravương uốn cong nối kết các cây cột t'nal cũng là nơi xuất hiện mặt tập các kiểu thức trang trí.

Gravương phía đông, là thế giới muôn màu của hệ hoa văn thực vật, với các mô típ như hoa bí đỏ, hoa bí trắng, hoa đùng đình... trải dài theo hình cánh cung, được giới hạn bởi dải hoa văn gồm nhiều cây chông xếp cạnh nhau trong biên độ hẹp (rok). Rok cùng với grang là những mô típ truyền thống, có mặt ở hầu khắp các dải trang trí như truyền tải ý thức bảo vệ bản làng cũng như đối phó với các thế lực siêu nhiên hoặc thú rừng gây hại khi mũi nhọn của chông luôn chĩa vào các kiểu thức bên trong. Gravương phía tây là nơi thể hiện hệ thống mô típ khác: hình ảnh của con hổ (amượp), con gà (atưa) và con vịt (ata).

Nối tiếp gravương là hai tấm ninang (tấm gỗ liên kết các cột dọc ở trước và sau ngôi nhà) có bề dày và rộng giống nhau. Nếu gravương là nơi chỉ thể hiện những mô típ phản ánh thế giới tự nhiên, thì ninang là nơi cách điệu các dạng sinh hoạt của con người. Những mô típ trên ninang có thể được tạo nên bởi kỹ thuật chạm khắc, có thể là hình vẽ với hệ màu truyền thống, cũng có thể là chen lẫn giữa hai loại hình hội họa và điêu khắc. Trong đó, ninang phía trong là nơi tồn tại của hình ảnh người đàn ông đánh chiêng với lưng khum tròn, người thổi kèn, cảnh sum vầy bên chén rượu cần và hình ảnh người đàn bà múa điệu yaya, ninang phía ngoài là dải tập hợp của những mô típ hai trai làng khiêng thú rừng, cảnh bắn nỏ, người đàn bà giã gạo và cảnh gùi lúa từ nương rẫy về.

Cùng với các mô típ trang trí này, trên đầu các cột t'nal luôn tồn tại những vòng tròn bằng mây bện hoa văn. Những vòng tròn này vừa có tác dụng làm đẹp hơn cho đầu cột, vừa có tác dụng chống nứt nẻ của thân cột. Và ngay bên dưới chúng là các loại mặt nạ dùng trong những nghi lễ tiếp xúc với thần linh.

Từ những hình ảnh của mái nhà chung truyền thống, vẽ đẹp được tạo nên bởi những yếu tố tín ngưỡng cùng ước vọng cộng đồng, với sự điều phối của trục tâm linh và những giá trị nghệ

thuật. Lễ tất nhiên, hình ảnh của ngôi nhà và tất cả những giá trị bao hàm trong nó biến thiên theo bước chân du canh-du cư của lịch sử tộc người (17).

Đa phần các mái nhà chung hiện nay, so với những tài liệu khảo sát từ đầu thế kỷ XX của các học giả nước ngoài, đã có những sự thay đổi đáng kể. Hệ hoa văn trên cây cột cái vốn đã in đậm trong tâm thức cộng đồng trước đây, hiện đã thay đổi khá nhiều. Hình ảnh con rồng vốn không tồn tại trong tâm thức tộc người đã nghiễm nhiên có chỗ đứng trang trọng trên Gương-nơi chỉ dành cho những hoa văn hình học cơ bản (hoa bơ lờm, lá atút, alan...) và có chăng là biến điệu từ đôi cánh tay người đàn bà thành hình chim T'ring uốn lượn. Các lễ cúng cũng được tổ chức trong ngôi nhà chung nhưng tâm điểm cuộc tế được dời ra cây cột t'nal phía sau-nơi có giàn để đồ tế lễ làm gợi nhớ đến hình ảnh bàn thờ trong cấu trúc ngôi nhà của người Kinh. Cây cột này cũng là nơi treo đầu trâu hiến tế, cũng là nơi tiến hành xin xăm bằng bông xơ tre của các già làng. Hình ảnh các tượng quỷ thuật cũng không được dựng lên do không còn người tạo tác-lớp trẻ hiện nay, vì nhiều lý do, không được và cũng không muốn được truyền nghề. Các hình vẽ xa lạ được thực hiện trên khắp các cấu kiện. Đó là chưa nói đến việc xáo trộn vị trí truyền thống. Chúng được vẽ nên một cách ngẫu hứng và xa dần những ấn tượng của nghệ thuật thuần chất dân gian. Sắc màu đậm thắm của tự nhiên cũng được thay bằng ánh sáng chói của sơn hiện đại vốn không có trong truyền thống...

Hàng loạt những nhu cầu nảy sinh trong quá trình định canh-định cư, khi làng/vel đã trở thành một đơn vị hành chính trong mối quan hệ có tính hệ thống. Các chức năng cổ truyền của ngôi nhà Gươl, một số đã biến mất, một số được thay thế, từ đó kéo theo sự thay đổi/xáo trộn không nhỏ về vật liệu, cấu trúc, mặt bằng lẫn các biểu tượng trang trí, và dĩ nhiên, yếu tố tâm linh cùng giá trị nghệ thuật của nó cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ.

4- Thay lời kết:

1- Từ những điều trình bày, chúng ta thấy rằng ngôi nhà Gươl truyền thống được dựng lên với sự chi phối của đầy đủ các dấu ấn tâm linh và giá trị nghệ thuật cổ truyền, và do đó, nó là không gian đa chức năng duy nhất đáp ứng nhu cầu sử dụng của cộng đồng tộc người. Ngôi nhà Gươl vì thế tạo nên dấu ấn sâu đậm trong

đời sống vật chất-tinh thần của người Cốt.

2- Bên cạnh đó, tộc người này vốn đã và đang tồn tại trên nền nông nghiệp hoả canh, mái nhà chung là sản phẩm của quá trình du canh-du cư trên những địa điểm nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định, trước khi tiếp tục đợt du cư tiếp theo. Nên có thể nói, ngoài việc tượng trưng cho hào khí của làng, ngoài là hình ảnh "hoàn tráng" điểm tô cho núi rừng Trường Sơn, vẻ đẹp đầu tiên của nó toát lên từ những loại vật liệu kém tính bền vững qua bàn tay tài hoa của người tạo tác.

3- Tuy nhiên, với những biểu hiện như đã đề cập, có thể nói trực tâm linh-nghệ thuật chi phối trong việc xây dựng ngôi nhà, kể cả chức năng sử dụng của nó lâu nay đã bị lệch chuẩn. Ngôi nhà Gươl trong xu hướng chung, hiện nay đang có sự mờ nhạt dần những yếu tố tâm linh, triết lý tộc người vốn có, và tiếp thu một cách nhanh nhất những biểu hiện nền nghệ thuật giao lưu. Điều đó cho thấy giá trị văn hóa cổ truyền mang tính bản sắc tộc người trong những ngôi nhà chung phần nào đã bị sút giảm. Theo chúng tôi, đó chính là hiện thực cần được đặc biệt lưu ý trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hoá ngôi nhà cộng đồng ở khu vực Trường Sơn-Tây Nguyên.

IV- 2003
N.P.B.Đ

Chú thích:

(1) Nguyễn Khắc Tụng: Nhà Rông các dân tộc Bắc Tây Nguyên. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.

(2) Có thể nói không có miền núi nào ở nước ta lại có được mặt bằng rộng rãi phủ một loại đất phì nhiêu như đất đỏ được phong hoá từ đá bazan (vùng đông – bắc Bảo Lộc, Ban Mê Thuột, Plây Cu) rất thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp. Đất phong hoá từ Bazan ở khu vực Tây Nguyên có rất nhiều loại, chiếm diện tích đến hơn 2.000.000ha, trong đó, đất nâu đỏ – loại tốt nhất chiếm 1.768.000ha. Các loại hoa màu và cây ăn quả trồng trên loại đất này tốt một cách kỳ lạ: bắp ngô Tây Nguyên dài 20cm – 25cm, sắn củ lớn bằng cổ chân, đỗ xanh, rau cải, cà chua đều mọc tốt và có năng suất cao, xoài vừa to vừa sai quả, chuối có những buồng nặng trĩu... Rừng Tây Nguyên và cửa gờ núi Trường Sơn Nam thuộc loại thường xanh nhiệt đới ẩm, nhiều tầng, nhiều loài. Tầng cây chính có thân cao và thẳng, từ gốc cây có đường

vòng một, hai người ôm đến nơi những chạc cây bắt đầu xuất hiện, có thể có đến 20m - 25m. (Lê Bá Thảo: Thiên nhiên Việt Nam. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1977, trang 174).

(3) Tạ Đức: Nguồn gốc và sự phát triển của kiến trúc biểu tượng và ngôn ngữ Đông Sơn, Hội Dân tộc học Việt Nam, Hà Nội, 1999.

Mole. (R.L): The montagnards of South Viet Nam, A Study of nine tribes, Tokyo. 1970.

Tạ Đức: Tìm hiểu văn hoá Katu, Trung tâm nghiên cứu văn hoá Dân gian Huế - Nxb.Thuận Hoá, Huế, 2002.

Le Pichon: Les chasseurs de sang. (Bản dịch Vĩnh Tùng), BAVH, No.4, 1938.

(4) Như việc chọn đất, kỹ thuật canh tác, các dấu hiệu nhận biết kho lương thực ẩn tàng trong rừng sâu...

(5) Chúng tôi cho rằng, phần lớn với các bộ tộc người nói ngôn ngữ Mon-Khmer, ngôi nhà cộng đồng-không gian sinh hoạt chung được xây dựng thành một dạng kiến trúc riêng biệt mang tính phổ biến hơn so với những tộc người nói ngôn ngữ Malayo-Polinésien. Bên cạnh đó, cũng có những tộc người-như đã trình bày, không gian chung là một gian của ngôi nhà trưởng họ và sự trao đổi kinh nghiệm hay bàn bạc... bao giờ cũng diễn ra quanh bếp lửa. (Kiểu sinh hoạt với loại không gian khác như sân bãi, ngoài trời, trong điều kiện thời tiết và khí hậu của khu vực Trường Sơn-Tây Nguyên, tỏ ra không hiệu quả và thường xuyên bị gián đoạn).

(6) Ngoài việc ngôi nhà phải ở vị trí trung tâm làng, trên khu đất rộng, vật liệu xây dựng cũng phải được chọn lựa kỹ càng: cây làm cột, xé ván, tạc tượng... phải cao, thẳng, không cụt ngọn, không bị dây leo quấn, không bị sét đánh, trên thân không có đoạn phình to hay tổ kiến to lớn khác thường, cây cột cái phải được chặt trước khi tiến hành dựng nhà một mùa rẫy, phải do chủ làng tự thân đi chọn và chặt nhất đầu tiên...

(7) Có ba loại hình nhà Gươl truyền thống hiện nay còn tồn tại trong tâm thức của người Cốt:

- Gươl Chon: là dạng nhà có hình tròn, cây cột cái ở giữa, mái xuôi 450 và kéo dài trong quy mô có thể. Cấu trúc này đòi hỏi phải có một cây cột Cái thật cao và lớn, chịu lực tập trung cho toàn bộ vì kèo của dàn mái. Đây là những

kiểu nhà chỉ có ở những ngôi làng sung mãn về nhân lực và vật lực cũng như có được những thanh thế lớn trong khu vực.

- Gươl D'roi: nhà này được làm theo dạng hình thang cân với hai đầu hồi tròn. Quy mô lớn hơn so với loại nhà Gươl thường gặp, kết cấu chủ yếu bằng gỗ. Đây cũng là loại nhà Gươl dành cho những làng có quy mô lớn, giàu mạnh về nhân-vật lực.

- Sau hai loại nhà Gươl trên mới đến loại nhà Gươl mà chúng ta thường thấy.

Các dạng nhà Gươl Chon, D'roi chỉ tồn tại trước năm 1945 ở hai huyện Hiền, Nam Giang/Giăng (tỉnh Quảng Nam), ở đây số lượng tiểu gia đình cư trú trong một làng thường từ 70-80, nhiều khi lên đến gần 100 gia đình.

(8) Xem thêm: Nguyễn Hữu Thông – Nguyễn Phước Bảo Đán: Nhà Gươl của người Cơtu trong đời sống văn hoá cổ truyền và hiện đại, Tạp chí Thông tin Khoa học & Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 3(29)/2000.

(9) Le Pichon: Les chasseurs de sang, Tài liệu đã dẫn, (trang 371).

(10) Trong tín ngưỡng chung của nhân loại, người cổ đại đã thấy có lửa là có khói, khói thì bay lên tầng trên - nơi của thần linh. Vì thế, ở một mặt nào đó, dẫn dẫn lửa khói được người cổ đại sử dụng vào mục đích thông linh-BBT. T/c DSVH.

(11) Le Pichon: Les chasseurs de sang, tài liệu đã dẫn.

(12) Hiện có rất nhiều cách giải thích khác nhau về hình tượng loài chim này: có người cho đó là phượng hoàng đất-chim Toucan (xem thêm: Le village, les maisons, l'art Katu trong Le Pichon: Les chasseurs de sang, tài liệu đã dẫn), một ý kiến khác cho đó là con gà - con gà trống để báo thức trong vụ mùa sản xuất; gà cũng được xem là loài chim được con người thuần dưỡng dùng để hiến tế cho thần linh. Đúng ở góc độ nào đó, chúng ta thấy hình ảnh con gà (gà nhà - gà rừng) là biểu tượng của mối giao tiếp thiêng liêng này. Con gà trống có mào đỏ như mặt trời và tiếng gáy của nó báo hiệu mặt trời mọc, nơi những tia sáng ấm áp xuất hiện thúc đẩy cây tăng trưởng, nguồn lương thực quan trọng trên nương rẫy của mình. Tuy nhiên, thuyết phục hơn cả, T'ring là đôi chim mang hạt lúa hỗn: trong tín ngưỡng của người Cơtu, khi trong làng có người chết, thần chim T'ring sẽ mang hạt lúa hỗn để linh hồn người

chết không bị lằm đường lạc lối khi về với tổ tiên.

(13) Lê Anh Tuấn: Về ngôi nhà Gươl của người Cơtu ở Bắc Trường Sơn Việt Nam, Thông tin Khoa học, số tháng 9/2002, Phân viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật miền Trung tại Thành phố Huế, 2002, (trang 86).

(14) Tạ Đức: Tìm hiểu văn hoá Katu. Sđd, (trang 78).

(15) Chúng ta thấy rằng, trong đời sống của người Cơtu và các tộc người sống ở Trường Sơn – Tây Nguyên nói chung, con trâu là hình ảnh thiêng liêng nổi kết cuộc sống, ước vọng của con người với thế giới thần linh. Mỗi khi mất mùa, có tai ách, dịch hoạ, đau ốm cũng như khi được mùa bội thu... nhất nhất mọi việc, họ đều cần đến thần linh với lễ tế Yàng, mà hình ảnh của sự nổi kết trong tín ngưỡng là con trâu. Con trâu là hình ảnh thiêng liêng trong đời sống văn hoá tâm linh, cũng như trong phong tục của các cộng đồng.

(16) Le Pichon: Les chasseurs de sang. Tlđd. (trang 370-371).

(17) Đó là chưa đề cập đến một quá khứ kinh hoàng khi phong tục săn máu- trả đầu còn diễn ra phổ biến. Ở người Cơtu, đôi khi chỉ trong khoảng thời gian ngắn, sau đợt trả đầu không thể tránh khỏi bởi cuộc điều đình của người hát lý không mang lại kết quả. Một cộng đồng tộc người hùng mạnh với ngôi nhà Gươl bề thế bỗng chốc trở thành một nhóm người thưa thớt chuyển cư - dời làng đi nơi khác. Ngôi nhà Gươl nhỏ bé được dựng lên trên vùng đất mới làm nơi cư ngụ của thần linh và cũng là tiêu điểm gắn kết ý chí phục thù.



Phượng hoàng khởi nguồn